

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **104/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 09/11/2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Hòa;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Dáng Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 172/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 190/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà N.T.B.Ng, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp TV, xã VT, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Có mặt).

\* Bị đơn: **Ông L.Q.T**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp TV, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà N.T.B.Ng trình bày như sau: Bà và ông L.Q.T chung sống với nhau vào năm 2002, không có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, lần thứ nhất, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 23/7/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đầu 2017 tới nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không hạnh phúc. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.Q.T. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Cẩm Ti, sinh ngày 17/11/2004 và Lê Thị Ngọc Tn, sinh ngày 19/01/2007. Nếu được ly hôn, bà Ng yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ ông T đến để tiến hành hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do và không có lời khai hay ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được quá trình hôn nhân, con cái, tài sản cũng như ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên đã từ bỏ quyền của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng được ly hôn với ông T. Về con chung: Giao 02 cháu Lê Thị Cẩm Ti, sinh ngày 17/11/2004 và Lê Thị Ngọc Tn, sinh ngày 19/01/2007 cho bà Ng chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Bà Ng yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông L.Q.T (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Ng và ông T kết hôn với nhau vào năm 2002, không có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, lần thứ nhất, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 23/7/2010 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng bà Ng và ông T phát

sinh mâu thuẫn, bà Ng xin ly hôn nên Toà án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, bà Ng cho rằng do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Thời gian ly thân, ông T không còn tới lui, thăm nom, chăm sóc bà cũng như không có biện pháp để hàn gắn hạnh phúc. Tòa án đã triệu tập ông T để tham gia phiên hòa giải nhưng ông T cố tình vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng thể hiện ông T không muốn hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Ng và ông T thực tế đã không còn tồn tại, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Ng được ly hôn với ông T.

#### [2.2] Về con chung:

Bà Ng xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng ông bà có 02 con chung tên Lê Thị Cẩm Ti, sinh ngày 17/11/2004 và Lê Thị Ngọc Tn, sinh ngày 19/01/2007, hiện nay đang sống với bà Ng. Sau ly hôn, bà Ng yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Ti và cháu Tn hiện nay đang sống với bà Ng, thời gian ly thân 02 cháu được bà Ng chăm sóc tốt, phát triển bình thường và 02 cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà Ng. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Ti và cháu Tn, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho 02 cháu, giúp 02 cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao 02 cháu Ti và cháu Tn cho bà Ng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên bà Ng không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Bà Ng phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Ng không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa bà Ng và ông T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà Ng phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ Tn tạm ứng án phí bà Ng đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.T.B.Ng.

\* Về hôn nhân: Bà N.T.B.Ng được ly hôn với ông L.Q.T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 25/KH, quyển số 04/2010, ngày 23/7/2010 do Ủy ban nhân dân xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp cho bà N.T.B.Ng và ông L.Q.T không còn giá trị pháp lý).

\* Về con chung: Giao 02 cháu Lê Thị Cẩm Ti, sinh ngày 17/11/2004 và Lê Thị Ngọc Tn, sinh ngày 19/01/2007 cho bà Ng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Ng không có yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

\* Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa bà Ng và ông T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

\* Về án phí sơ thẩm: Bà N.T.B.Ng phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) Tn tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008366 ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Bà Ng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Vọng Thê;
- Các đương sự (Đề thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**Mai Thị Vân**